



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

**TỔNG CÔNG TY
CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 55



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là “Tổng Công ty”).

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP, tiền thân là Tổng Công ty Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được thành lập vào năm 1996. Đến năm 2003, theo Quyết định số 67/2003/QĐ/BNN-TCCB ngày 11/6/2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hai Tổng Công ty chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về cơ điện và xây dựng công trình là Tổng Công ty Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi và Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 1 được sáp nhập thành Tổng Công ty Cơ điện - Xây dựng - Nông nghiệp và Thủy lợi (AGRIMECO). Tổng Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102887 ngày 09 tháng 5 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Km 10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 024 66.742.798
- Fax : 024 38.615.706

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty:

- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;
- Khảo sát, điều tra quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy điện, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty trong kỳ bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Văn An	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Đồng Tuấn Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Lê Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Lê Thị Hằng	Trưởng ban	Ngày 25 tháng 5 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên	Ngày 25 tháng 5 năm 2018
Bà Lê Thu Huyền	Thành viên	Ngày 25 tháng 5 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Lê Văn An	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Lương Công Thuận	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019
Ông Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2018
Ông Đỗ Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn An – Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tổng Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,

Chủ tịch



Lê Văn An

Ngày 26 tháng 8 năm 2020

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0477/20/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (gọi chung là “Tổng Công ty”), được lập ngày 26 tháng 8 năm 2020, từ trang 07 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội****Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc***Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1*

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2020



TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		777.073.062.009	942.734.905.617
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	26.424.397.903	142.985.607.511
1. Tiền	111		26.424.397.903	37.923.922.511
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	105.061.685.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.500.000.000	3.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	2.500.000.000	3.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		539.001.485.869	615.491.091.020
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	273.039.821.461	301.315.812.032
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	222.834.844.381	168.407.805.558
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	2.515.424.173	103.513.157.767
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	104.306.286.672	99.294.282.193
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(63.694.890.818)	(57.039.966.530)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		191.779.293.909	163.619.371.677
1. Hàng tồn kho	141	V.8	191.779.293.909	163.619.371.677
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.367.884.328	17.638.835.409
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	3.241.595.757	3.175.319.351
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.119.606.753	14.456.834.240
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	6.681.818	6.681.818
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.252.726.789.554	1.105.258.106.299
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		107.229.013.599	4.731.280.005
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	115.840.818	115.840.818
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.12	102.497.733.594	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	4.615.439.187	4.615.439.187
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		372.452.774.838	396.483.550.876
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	372.196.208.546	396.049.766.040
<i>Nguyên giá</i>	222		725.211.898.680	724.548.042.462
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(353.015.690.134)	(328.498.276.422)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	256.566.292	433.784.836
<i>Nguyên giá</i>	228		2.665.500.000	2.665.500.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.408.933.708)	(2.231.715.164)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		352.148.931.553	274.533.835.533
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	352.148.931.553	274.533.835.533
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		414.739.490.278	423.281.882.714
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	195.854.314.602	204.396.707.038
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	285.928.443.866	285.928.443.866
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b,c	(67.043.268.190)	(67.043.268.190)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.156.579.286	6.227.557.171
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	3.914.403.492	4.707.920.771
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		2.242.175.794	1.519.636.400
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.029.799.851.563	2.047.993.011.916

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.446.448.266.933	1.401.826.963.992
I. Nợ ngắn hạn	310		757.474.710.992	779.918.636.782
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	146.932.836.055	170.063.139.661
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	300.803.295.479	314.473.238.945
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	9.542.177.111	16.691.871.411
4. Phải trả người lao động	314		6.976.656.995	8.158.437.724
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	63.378.311.346	61.490.890.972
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	1.348.159.773	2.926.098.191
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	103.375.504.653	100.185.865.638
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	110.926.298.445	93.528.521.904
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	14.191.471.135	12.400.572.336
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		688.973.555.941	621.908.327.210
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	92.321.089.337	100.756.297.605
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	201.084.824.000	211.084.824.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	395.567.642.604	310.067.205.605
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		583.351.584.630	646.166.047.924
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.21	577.366.777.152	640.181.240.446
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411		215.000.000.000	215.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		215.000.000.000	215.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu		414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ		415		(54.331.026.750)	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển		418		51.469.809.894	51.342.507.391
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421		293.934.137.947	311.421.999.031
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		421a		296.516.742.452	311.421.999.031
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b		(2.582.604.505)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		429		71.293.856.061	62.416.734.024
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		5.984.807.478	5.984.807.478
1. Nguồn kinh phí		431		5.984.807.478	5.984.807.478
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		2.029.799.851.563	2.047.993.011.916

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Quang Hưng



Lê Văn An

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	81.174.693.711	185.355.908.980
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	2.243.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		81.174.693.711	185.353.665.980
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	63.441.455.569	205.817.809.062
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.733.238.142	(20.464.143.082)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.589.851.025	234.836.125.686
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.940.963.397	63.769.715.592
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.928.747.427	17.069.581.116
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		5.515.421.064	(31.523.911.438)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	-	695.673.437
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	19.175.249.776	50.260.396.119
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.277.702.942)	68.122.286.018
12. Thu nhập khác	31	VI.7	94.707.645	3.565.160.163
13. Chi phí khác	32	VI.8	463.710.650	554.329.311
14. Lợi nhuận khác	40		(369.003.005)	3.010.830.852
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.646.705.947)	71.133.116.870
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	592.566.187	6.890.560.106
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(722.539.394)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.516.732.740)	64.242.556.764
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(2.582.604.505)	61.536.189.050
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.065.871.765	2.706.367.714
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(133)	2.862
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	(133)	2.862

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Quang Hưng



Lê Văn An

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(1.646.705.947)	71.133.116.870
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10; 11	24.694.632.256	25.507.131.098
- Các khoản dự phòng	03		6.654.924.288	77.542.028.794
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	11.050.085	15.345.043
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.081.516.396)	(229.902.767.421)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	10.928.747.427	17.069.581.116
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		29.561.131.713	(38.635.564.500)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.064.171.614	(69.381.547.314)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(28.159.922.232)	168.958.805.292
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(61.737.068.563)	(103.555.958.019)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		727.240.873	2.731.396.202
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(16.707.935.930)	(14.639.744.074)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(704.151.408)	(14.468.327.017)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(1.227.100.000)	(2.947.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(70.183.633.933)	(71.938.189.430)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(109.923.377.486)	(126.785.278.721)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.200.000.000)	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.200.000.000	4.630.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(44.800.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	478.684.552.456
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.378.337.222	40.714.887.891
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(98.545.040.264)	349.444.161.626

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21	8.080.000.000	18.620.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.21	(54.331.026.750)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	146.871.542.575	47.210.206.084
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(43.973.329.035)	(111.258.057.699)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.480.958.750)	(2.180.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		52.166.228.040	(45.430.031.865)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(116.562.446.157)	232.075.940.331
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	142.985.607.511	23.870.514.337
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.236.549	661.925
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	26.424.397.903	255.947.116.593

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Quang Hưng

Lê Văn An



TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, Quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ là xây lắp và chế tạo cơ khí.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là:

- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;
- Khảo sát, điều tra quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy điện, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 4 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Trong đó, 3 công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này (Xem Thuyết minh I.5a). Công ty TNHH Thủy điện Bản Mòng đã được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 2901905544 ngày 10 tháng 10 năm 2017 nhưng chưa đi vào hoạt động, Công ty mẹ chưa góp vốn. Do đó, Công ty con này không phát sinh số liệu phải hợp nhất trong kỳ.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty con có hình thức sở hữu vốn là công ty TNHH Một thành viên

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Điện Sông Mực (**)	Thôn Xuân Lai, xã Hải Vân, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	90,00%	90,00%	100%

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các công ty con khác (có hình thức sở hữu vốn là công ty cổ phần)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung	Xã Lương Sơn, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	92,68%	92,68%	92,68%
Công ty Cổ phần Thủy điện Ngân Trươi (*) (**)	Tổ 1, thị trấn Vũ Quang, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	48,00%	48,00%	51,00%

- (*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3002076426 ngày 12 tháng 6 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp, Công ty mẹ đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Ngân Trươi 51.000.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty mẹ đã đầu tư thêm 11.220.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty mẹ đã đầu tư 51.000.000.000 VND, trong đó có 3.000.000.000 VND là khoản đầu tư do các cá nhân ủy thác. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 48%, của cá nhân ủy thác là 3%.

5b. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	Tổ 21, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Xây dựng	42,89%	42,89%	42,89%
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	Km Số 9, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Cơ điện và xây dựng	46,00%	46,00%	46,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	Số 20 đường Trần Nhật Duật, phường Trần Tế Xương, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Xây dựng công trình	27,11%	27,11%	27,11%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	Phố Vũ, Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Xây dựng công trình	29,28%	29,28%	29,28%
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	24A Nguyễn Cư Trinh, phường Thuận Hòa, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Xây dựng công trình	47,20%	47,20%	47,20%
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi (**)	Km 10, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Cơ điện	25,58%	25,58%	46,39%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276 (**)	220 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	Cơ khí và xây lắp	28,95%	28,95%	44,45%

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình	Khu Pheo, nhà điều hành sân Golf Hòa Bình-Geleximco, thị trấn Kỳ Sơn, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	Số 55 Trần Nhật Duật, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Cơ điện và xây dựng	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	Bản Chuông, xã Lục Hồn, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	Đầu tư dự án thủy điện	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Đakrông (**)	Làng Byang, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	38,57%	38,57%	40,21%
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện (**)	Số nhà 56, ngõ 102, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc	44,77%	44,77%	49,64%
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo	Km 18 Quốc Lộ 5A, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Đầu tư dự án khu công nghiệp cơ khí năng lượng	46,00%	46,00%	46,00%
Công ty Cổ phần Agreensteel – Việt Nam	Số 6 Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Vận chuyển, buôn bán vật liệu	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	Kinh doanh sản phẩm thép	50,00%	50,00%	50,00%

(**) Một số Công ty có tỷ lệ lợi ích nhỏ hơn tỷ lệ quyền biểu quyết do có các cá nhân ủy thác đầu tư và Tổng Công ty được hưởng quyền biểu quyết (Xem thuyết minh V.18b).

5c. Danh sách các Công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ Lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24 (*)	Tầng 2, tòa nhà Vinamilk, số 4, đại lộ Lê Nin, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Xây dựng	36,18%	36,18%	36,18%

(*) Công ty mẹ không thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty trên để phục vụ lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5d. Tình hình hoạt động của các Công ty con

Công ty TNHH Thủy điện Bản Mòng chưa đi vào hoạt động. Toàn bộ hoạt động đầu tư Dự án Thủy điện Bản Mòng được Công ty mẹ trực tiếp thực hiện (xem Thuyết minh V.12).

Công ty Cổ phần Thủy điện Ngàn Trươi đang trong giai đoạn đầu tư, chưa phát sinh doanh thu.

Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là bằng không trừ khi Tổng Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tổng Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ. Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 7 năm.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tổng công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tổng Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty đã tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	3.138.837.468	2.578.329.645
Tiền gửi ngân hàng	23.285.560.435	35.345.592.866
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	-	105.061.685.000
Cộng	26.424.397.903	142.985.607.511

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

TÔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận và các phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận và các phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
<i>Các công ty được phản ánh theo phương pháp Vốn chủ sở hữu</i>						
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	4.203.700.000	(4.203.700.000)	-	4.203.700.000	(5.975.212.362)	(1.771.512.362)
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	22.080.000.000	2.852.276.414	24.932.276.414	22.080.000.000	2.836.323.887	24.916.323.887
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	2.439.680.000	(663.296.138)	1.776.383.862	2.439.680.000	(663.296.138)	1.776.383.862
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	6.028.780.000	2.731.724.898	8.760.504.898	6.028.780.000	2.990.464.898	9.019.244.898
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	7.079.880.000	1.405.113.339	8.484.993.339	7.079.880.000	1.441.927.844	8.521.807.844
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	9.357.100.000	1.813.220.433	11.170.320.433	9.357.100.000	1.542.016.500	10.899.116.500
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	6.667.000.000	9.822.108.565	16.489.108.565	6.667.000.000	8.104.950.301	14.771.950.301
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình	4.000.000.000	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng						
Đông Dương	2.600.000.000	694.463.512	3.294.463.512	2.600.000.000	751.961.106	3.351.961.106
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	1.796.036.596	-	1.796.036.596	1.796.036.596	-	1.796.036.596
Công ty Cổ phần Đakrông	27.000.000.000	25.043.531.535	52.043.531.535	27.000.000.000	33.956.671.112	60.956.671.112
Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện	14.892.300.000	20.255.549.403	35.147.849.403	14.892.300.000	19.983.354.047	34.875.654.047
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	9.113.853.216	-	9.113.853.216	9.113.853.216	-	9.113.853.216
Công ty Cổ phần Agreensteel – Việt Nam	1.200.000.000	(85.906.728)	1.114.093.272	1.200.000.000	65.543.532	1.265.543.532
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	22.125.000.000	(11.630.291.916)	10.494.708.084	22.125.000.000	(8.457.518.974)	13.667.481.026
<i>Các công ty được phản ánh theo phương pháp giá gốc</i>						
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	7.236.191.473	-	7.236.191.473	7.236.191.473	-	7.236.191.473
Cộng	147.819.521.285	48.034.793.317	195.854.314.602	147.819.521.285	56.577.185.753	204.396.707.038

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tất cả các khoản đầu tư vào Công ty liên kết không thay đổi so với số đầu năm:

Tên Công ty	Số Cổ phần	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	420.370	42,89%
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	2.208.000	46,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	723.619	36,18%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	243.968	27,11%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	878.360	29,28%
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	707.988	47,20%
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	935.710	25,58%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	888.933	28,95%
Công ty Cổ phần Thủy điện tái tạo Hòa Bình	400.000	20,00%
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	260.000	40,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	179.604	50,00%
Công ty Cổ phần Đaksrông	4.914.000	38,57%
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	1.489.230	44,77%
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	911.385	46,00%
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	120.000	30,00%
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE		50,00%

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tổng công ty tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong kỳ	Phản lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ	Công ty liên kết phân phối lợi nhuận	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	(1.771.512.362)	-	1.771.512.362	-	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	24.916.323.887	-	15.952.527	-	-	24.932.276.414
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.776.383.862	-	-	-	-	1.776.383.862
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	9.019.244.898	-	-	(258.740.000)	-	8.760.504.898
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	8.521.807.844	-	26.440.693	-	(63.255.198)	8.484.993.339
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	10.899.116.500	-	271.203.933	-	-	11.170.320.433
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	14.771.950.301	-	1.717.158.264	-	-	16.489.108.565
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình ⁽ⁱⁱ⁾	4.000.000.000	-	-	-	-	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đồng Dương	3.351.961.106	-	(57.497.594)	-	-	3.294.463.512
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh ⁽ⁱ⁾	1.796.036.596	-	-	-	-	1.796.036.596
Công ty Cổ phần Đaksrông	60.956.671.112	-	3.341.620.898	(11.784.500.000)	(470.260.475)	52.043.531.535
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	34.875.654.047	-	2.810.076.122	(2.014.573.500)	(523.307.266)	35.147.849.403
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo ⁽ⁱ⁾	9.113.853.216	-	-	-	-	9.113.853.216
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	1.265.543.532	-	(103.293.660)	-	(48.156.600)	1.114.093.272
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	13.667.481.026	-	(3.172.772.942)	-	-	10.494.708.084
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	7.236.191.473	-	-	-	-	7.236.191.473
Cộng	204.396.707.038	-	6.620.400.603	(14.057.813.500)	(1.104.979.539)	195.854.314.602

⁽ⁱ⁾ Các Công ty đang ngừng hoạt động nên không có kết quả kinh doanh trong kỳ.

⁽ⁱⁱ⁾ Công ty đang trong giai đoạn đầu tư, chưa phát sinh doanh thu.

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Các Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)*Giao dịch với các công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty với các công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng</i>		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	1.500.000.000	21.320.717
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	4.172.802.600	4.819.642.612
Giảm giá trị khối lượng phải trả Công ty liên kết	-	(143.372.273)
Thanh toán tiền vay cho Công ty liên kết	-	17.000.000.000
Chi phí lãi vay phải trả	-	338.458.859
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng</i>		
Giá trị khối lượng phải trả Công ty liên kết	-	(693.016.500)
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1</i>		
Giá trị khối lượng phải trả Công ty liên kết	16.105.370.916	4.510.287.273
Cổ tức được chia từ Công ty liên kết	258.740.000	-
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng 26</i>		
Giá trị khối lượng phải trả Công ty liên kết	5.449.193.459	-
<i>Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276</i>		
Trả nợ vay ngắn hạn cho Công ty liên kết	-	3.000.000.000
Chi phí lãi vay phải trả	3.413.376.645	3.272.518.884
Trả lãi vay cho Công ty liên kết	10.000.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình</i>		
Góp vốn vào Công ty liên kết	-	4.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đaksrông</i>		
Cổ tức được chia từ Công ty liên kết	12.285.000.000	37.800.000.000
Trong đó: Phải trả cá nhân ủy thác	500.500.000	1.540.000.000
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện</i>		
Cổ tức được chia từ Công ty liên kết	2.233.845.000	2.233.845.000
Trong đó: Phải trả cá nhân ủy thác	219.271.500	219.271.500
<i>Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam</i>		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	-	683.763.439
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	1.413.277.544	649.272.481
<i>Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE</i>		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	322.782.920	21.199.086.421

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Tổng công ty đã dùng 3.780.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đaksrông để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch 1.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	1.723.110.000	(1.185.016.000)	1.723.110.000	(1.185.016.000)
Công ty Cổ phần Cơ điện Nông nghiệp và Thủy Lợi II	3.048.650.000	(3.048.650.000)	3.048.650.000	(3.048.650.000)
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Công trình Miền Trung	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex	206.666.690	-	206.666.690	-
Công ty Cổ phần Nồi hơi Việt Nam	4.665.700.000	-	4.665.700.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng và Hợp tác lao động	384.317.176	(384.317.176)	384.317.176	(384.317.176)
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê	270.300.000.000	(54.589.093.541)	270.300.000.000	(54.589.093.541)
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18	600.000.000	(600.000.000)	600.000.000	(600.000.000)
Cộng	285.928.443.866	(59.807.076.717)	285.928.443.866	(59.807.076.717)

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm:

Tên Công ty	Số lượng cổ phần	Giá trị hợp lý tại 30/6/2020
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	1.489.230	29.784.600.000
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	302.300	516.933.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex	24.000	1.308.000.000

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

2d. Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	67.043.268.190	11.916.342.932
Trích lập dự phòng bổ sung	-	46.683.785.914
Số cuối kỳ (*)	67.043.268.190	58.600.128.846

(*) Trong đó, số dự phòng cho các khoản góp vốn vào đơn vị khác là 59.807.076.717 VND, số dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty liên kết không được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu (Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24) là 7.236.191.473 VND.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020 của một số đơn vị để xem xét, đánh giá dự phòng, do các đơn vị này không thuộc đối tượng phải lập và công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ, bao gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24; Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng; Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1; Công ty Cổ phần Cơ điện Nông nghiệp và Thủy Lợi II; Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Công trình Miền Trung; Công ty Cổ phần Nồi hơi Việt Nam; Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng và Hợp tác lao động; Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê và Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>33.581.087.442</i>	<i>56.782.678.228</i>
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	1.650.000.000	1.650.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	281.469.000	281.469.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	557.872.514	557.872.514
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	1.278.236.783	1.278.236.783
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	8.767.818.556	9.969.409.342
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê	21.045.690.589	43.045.690.589
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>239.458.734.019</i>	<i>244.533.133.804</i>
Ban quản lý Dự án Thủy điện Sông Bung 2	27.769.028.287	26.702.268.667
Power Machines	175.847.457.164	175.847.457.164
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	4.433.100.034	8.752.003.776
Các khách hàng khác	31.409.148.534	33.231.404.197
Cộng	273.039.821.461	301.315.812.032

4. Trả trước cho người bán

4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>21.457.933.746</i>	<i>7.897.917.596</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	400.000.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	407.429.800	429.165.905
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	4.788.725.531	4.788.725.531
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	3.921.239.688	-
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	5.531.004.487	785.503.822
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	343.251.100	343.251.100
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	6.066.283.140	1.151.271.238
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>201.376.910.635</i>	<i>160.509.887.962</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Sản phẩm công nghiệp quốc tế	17.159.292.930	17.159.292.930
Công ty TNHH Kỹ thuật thương mại Balkan	38.478.776.775	14.807.023.875
Công ty TNHH Andritz (China) Ltd	69.595.012.792	78.049.717.969
Voith Hydro Pvt.Ltd	31.210.095.698	19.580.822.166
Các nhà cung cấp khác	44.933.732.440	30.913.031.022
Cộng	222.834.844.381	168.407.805.558

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

Là khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn****5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.015.424.173</i>	<i>103.513.157.767</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê (xem thuyết minh V.5b)	-	102.497.733.594
Công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi Sông Hồng	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	815.424.173	815.424.173
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.500.000.000</i>	-
Công ty TNHH Thiết bị Thuận Phát	1.500.000.000	-
Cộng	2.515.424.173	103.513.157.767

Chi tiết số phát sinh khoản cho vay trong kỳ như sau

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	103.513.157.767	78.345.424.173
Cho vay	1.500.000.000	-
Trả nợ	-	(230.000.000)
Phân loại sang cho vay dài hạn	(102.497.733.594)	-
Số cuối kỳ	2.515.424.173	78.115.424.173

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Cho Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê (bên liên quan) vay với lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay 03 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Chi tiết số phát sinh khoản cho vay dài hạn trong kỳ như sau

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	-	-
Phân loại từ cho vay ngắn hạn	102.497.733.594	-
Số cuối kỳ	102.497.733.594	-

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	52.793.962.628	(2.108.027.428)	48.872.930.259	(2.108.027.428)
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	286.634.174	-	286.634.174	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	25.036.823.669	(1.700.000.000)	24.936.779.669	(1.700.000.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	5.642.819.655	-	5.642.819.655	-
Công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi 1	3.744.113.651	-	3.485.373.651	-
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	159.123.190	-	4.376.001.534	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	8.106.450	-	8.106.450	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	74.640.000	-	74.640.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	166.578.807	-	166.578.807	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	126.018.752	(126.018.752)	126.018.752	(126.018.752)
Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện	2.233.845.000	-	-	-
Công ty TNHH Sản phẩm thép Agrimeco & JFE	108.071.281	-	-	-
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	282.008.676	(282.008.676)	282.008.676	(282.008.676)
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê	14.925.179.323	-	9.487.968.891	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	51.512.324.044	(10.903.017.941)	50.421.351.934	(10.903.017.941)
Tạm ứng	21.605.563.524	(6.699.633.315)	20.601.301.874	(6.699.633.315)
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Tân Tạo	8.615.873.937	-	8.615.873.937	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	21.290.886.583	(4.203.384.626)	21.204.176.123	(4.203.384.626)
Cộng	104.306.286.672	(13.011.045.369)	99.294.282.193	(13.011.045.369)

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ đảm bảo thực hiện Dự án Thủy điện Bản Mòng ⁽ⁱ⁾	4.302.999.187	4.302.999.187
Ký cược, ký quỹ khác	312.440.000	312.440.000
Cộng	4.615.439.187	4.615.439.187

⁽ⁱ⁾ Là khoản ký quỹ đảm bảo thực hiện Dự án Thủy điện Bản Mòng cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An theo thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư số 141/TT-SKHĐT ngày 10 tháng 11 năm 2017.

7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các bên liên quan	2.389.496.428	(2.389.496.428)	2.389.496.428	(2.389.496.428)
Công ty Cổ phần KCN Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo	282.008.676	(282.008.676)	282.008.676	(282.008.676)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	1.981.469.000	(1.981.469.000)	1.981.469.000	(1.981.469.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	126.018.752	(126.018.752)	126.018.752	(126.018.752)

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>108.480.037.816</i>	<i>(61.305.394.390)</i>	<i>108.480.037.816</i>	<i>(54.650.470.102)</i>
Tổng công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Xây dựng Việt Nam	1.184.062.138	(1.184.062.138)	1.184.062.138	(1.184.062.138)
Power Machines	94.349.286.853	(47.174.643.427)	94.349.286.853	(40.519.719.139)
Tạm ứng	6.699.633.315	(6.699.633.315)	6.699.633.315	(6.699.633.315)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	6.247.055.510	(6.247.055.510)	6.247.055.510	(6.247.055.510)
Cộng	110.869.534.244	(63.694.890.818)	110.869.534.244	(57.039.966.530)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	57.039.966.530	7.258.224.611
Trích lập dự phòng bổ sung	6.654.924.288	30.858.242.880
Giảm do thanh lý Công ty con	-	(299.249.600)
Số cuối kỳ	63.694.890.818	37.817.217.891

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	35.978.237.728	-	40.385.526.916	-
Công cụ, dụng cụ	887.520.442	-	940.535.442	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	105.753.744.713	-	73.133.518.293	-
Thành phẩm	2.321.646.031	-	2.321.646.031	-
Hàng hóa	46.838.144.995	-	46.838.144.995	-
Cộng	191.779.293.909	-	163.619.371.677	-

9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	75.443.388	205.898.158
Chi phí bảo hiểm	232.291.638	147.378.014
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.933.860.731	2.822.043.179
Cộng	3.241.595.757	3.175.319.351

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	690.020.486	703.718.370
Chi phí sửa chữa	2.506.379.283	3.383.766.310
Các chi phí trả trước dài hạn khác	718.003.723	620.436.091
Cộng	3.914.403.492	4.707.920.771

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	150.710.907.046	320.441.008.516	252.194.399.232	677.021.055	524.706.613	724.548.042.462
Mua trong kỳ	-	-	-	101.664.400	-	101.664.400
Đầu tư XDCB hoàn thành	562.191.818	-	-	-	-	562.191.818
Số cuối kỳ	151.273.098.864	320.441.008.516	252.194.399.232	778.685.455	524.706.613	725.211.898.680
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	19.537.803.341	37.239.474.654	4.348.126.282	370.674.874	524.706.613	62.020.785.764
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	65.133.464.982	150.146.850.115	112.181.662.671	522.160.887	514.137.767	328.498.276.422
Khấu hao trong kỳ	2.604.820.025	10.167.245.600	11.689.956.100	44.823.141	10.568.846	24.517.413.712
Số cuối kỳ	67.738.285.007	160.314.095.715	123.871.618.771	566.984.028	524.706.613	353.015.690.134
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	85.577.442.064	170.294.158.401	140.012.736.561	154.860.168	10.568.846	396.049.766.040
Số cuối kỳ	83.534.813.857	160.126.912.801	128.322.780.461	211.701.427	-	372.196.208.546
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 352.674.724.181 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

Là chương trình phần mềm máy tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.665.500.000	2.231.715.164	433.784.836
Khấu hao trong kỳ	-	177.218.544	(177.218.544)
Số cuối kỳ	2.665.500.000	2.408.933.708	256.566.292

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	129.892.400	-	-	129.892.400
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	274.403.943.133	78.177.287.838	(562.191.818)	352.019.039.153
Công trình Thủy điện Bản Mòng	197.216.496.711	52.491.708.064	-	249.708.204.775
Công trình Thủy điện Ngàn Trươi	73.396.936.282	25.412.379.774	-	98.809.316.056
Công trình khác	3.790.510.140	273.200.000	(562.191.818)	3.501.518.322
Cộng	274.533.835.533	78.177.287.838	(562.191.818)	352.148.931.553

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ tại Công trình Thủy điện Bản Mòng và Công trình Thủy điện Ngàn Trươi lần lượt là 6.746.190.236 VND và 1.004.632.979 VND (kỳ trước không phát sinh).

Tài sản phát sinh từ công trình Thủy điện Bản Mòng và Thủy điện Ngàn Trươi đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng.

13. Phải trả người bán**13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	36.552.928.092	51.598.115.961
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	3.988.400.076	3.988.400.076
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	16.598.369.983	17.837.661.229
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	1.661.642.758	1.816.107.777
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	2.146.926.463	2.146.926.463
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	4.246.080.946	14.047.304.853
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	216.985.213	531.918.363
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	4.655.481.964	7.743.578.538
Công ty Cổ phần Agreensteel - Việt Nam	3.039.040.689	3.486.218.662
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	110.379.907.963	118.465.023.700
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng hóa Quốc tế IPC	29.354.567.960	30.354.567.960
Các nhà cung cấp khác	81.025.340.003	88.110.455.740
Cộng	146.932.836.055	170.063.139.661

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**13b. Phải trả người bán dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>54.978.894.192</i>	<i>55.178.894.192</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	5.054.136.989	5.054.136.989
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	19.362.780.420	19.362.780.420
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	4.537.777.024	4.737.777.024
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	17.992.008.093	17.992.008.093
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	8.032.191.666	8.032.191.666
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>37.342.195.145</i>	<i>45.577.403.413</i>
Cộng	<u>92.321.089.337</u>	<u>100.756.297.605</u>

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>300.803.295.479</i>	<i>314.473.238.945</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	271.833.834.807	278.015.448.439
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam	17.355.686.371	27.836.586.405
Các khách hàng khác	11.613.774.301	8.621.204.101
Cộng	<u>300.803.295.479</u>	<u>314.473.238.945</u>

TONG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTC

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.234.877.413	5.806.818	5.505.822.886	(12.488.758.752)	3.251.941.547	5.806.818
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	3.375.891.448	(3.375.891.448)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.205.966.135	875.000	592.566.187	(704.151.408)	1.094.380.914	875.000
Thuế thu nhập cá nhân	291.414.112	-	517.127.145	(378.801.063)	429.740.194	-
Thuế tài nguyên	1.069.494.709	-	2.075.644.508	(2.499.434.423)	645.704.794	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	789.509.200	-	158.814.207	(2.689.307)	945.634.100	-
Phí môi trường rừng	869.037.984	-	730.357.452	(672.998.796)	926.396.640	-
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	188.739.000	(188.739.000)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	186.693.682	(186.693.682)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.231.571.858	-	31.807.064	(15.000.000)	2.248.378.922	-
Cộng	16.691.871.411	6.681.818	13.363.463.579	(20.513.157.879)	9.542.177.111	6.681.818

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Trong đó, máy móc và thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là 0%; hàng hóa, dịch vụ khác tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 261022000007 ngày 4 tháng 7 năm 2007 do UBND Tỉnh Thanh Hóa cấp, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Bắc miền Trung (Công ty con) nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2015 đến năm 2029), được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2019 đến năm 2027)

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 261220000013 ngày 30 tháng 12 năm 2009, Công ty TNHH Điện Sông Mực (Công ty con) nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động kinh doanh điện thương phẩm với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2009 đến năm 2024), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023)

Theo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 3810/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Công ty Cổ phần Thủy điện Ngàn Trươi (Công ty con) nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động của Nhà máy Thủy điện Ngàn Trươi với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (hiện Dự án chưa đi vào hoạt động), được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tổng Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo quy định.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế tài nguyên

Các công ty con phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thủy điện với mức là: 1.864,44 VND/KWh x thuế suất (5%) x Sản lượng.

Phí môi trường rừng

Các công ty con phải nộp Phí môi trường rừng cho hoạt động khai thác thủy điện với mức là: 36 VND /KWh x Sản lượng.

Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước

Các công ty con phải nộp phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước với thuế suất 8% x Sản lượng.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	9.737.635.586	12.428.727.515
Trích trước chi phí công trình	53.550.675.760	48.957.163.457
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	90.000.000	105.000.000
Cộng	63.378.311.346	61.490.890.972

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê văn phòng	16.804.472	94.742.890
Doanh thu cho thuê thiết bị	-	1.500.000.000
Các khoản doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn khác	1.331.355.301	1.331.355.301
Cộng	1.348.159.773	2.926.098.191

18. Phải trả khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	10.362.083.094	17.120.763.037
Phải trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	472.897.831	450.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	1.382.298.018	2.735.412.270
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	6.356.036.478	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	10.000.000	10.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	1.336.171.595	1.336.171.595
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	804.679.172	804.679.172
Công ty Cổ phần Đaksrông	-	11.784.500.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	93.013.421.559	83.065.102.601
Kinh phí công đoàn	920.802.303	832.512.144
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.633.254.064	1.529.026.250
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	24.530.507.545	17.388.566.295
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	65.928.857.647	63.314.997.912
Cộng	103.375.504.653	100.185.865.638

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**18b. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	134.400.000.000	134.400.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc - Góp vốn vào Dự án Thủy điện Bản Mòng	134.400.000.000	134.400.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	66.684.824.000	76.684.824.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân góp vốn tại công ty liên kết:	9.082.710.000	9.082.710.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp 276	2.324.000.000	2.324.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	1.461.810.000	1.461.810.000
Công ty Cổ phần Đaksrông	1.100.000.000	1.100.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	4.196.900.000	4.196.900.000
Phải trả Bà Trần Thị Xuân - Góp vốn vào Dự án thủy điện Bản Mòng	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Eco Thăng Long - Tạm ứng hợp tác kinh doanh	48.000.000.000	58.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	50.000.000	50.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	2.552.114.000	2.552.114.000
Cộng	201.084.824.000	211.084.824.000

19. Vay**19a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch I ⁽ⁱ⁾	71.011.022.376	48.655.145.835
Vay ngắn hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱ⁾	4.940.714.000	4.940.714.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	34.974.562.069	39.932.662.069
Cộng	110.926.298.445	93.528.521.904

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo hợp đồng hạn mức số 01/2019/275/HĐTD ngày 06/12/2019 với mục đích cho vay ngắn hạn, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức cho vay là 800 tỷ VND. Hạn mức trên đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, mở L/C của khách hàng tại ngân hàng được chuyển tiếp từ hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/275/HĐTD ngày 23/8/2018. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp dây chuyền máy móc thiết bị và 3.780.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đaksrông có giá trị tại thời điểm thế chấp là 37.800.000.000 VND. Thời hạn cho vay, lãi suất, phí được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.
- (ii) Các khoản vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo của các cá nhân để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 7%/năm, thời hạn vay dưới 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	48.655.145.835	4.940.714.000	39.932.662.069	93.528.521.904
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	39.799.839.822	-	-	39.799.839.822
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn		-	6.600.000.000	6.600.000.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(17.443.963.281)	-	(11.558.100.000)	(29.002.063.281)
Số cuối kỳ	71.011.022.376	4.940.714.000	34.974.562.069	110.926.298.445

19b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn bên liên quan	89.908.734.246	84.180.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276 ⁽ⁱ⁾	80.000.000.000	80.000.000.000
Ông Đồng Tuấn Vũ ⁽ⁱⁱ⁾	4.180.000.000	4.180.000.000
Ông Đỗ Mạnh Cường ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.528.734.246	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc ⁽ⁱⁱⁱ⁾	4.200.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	284.109.478.208	201.780.896.305
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 1 ^(iv)	240.325.967.574	174.655.990.614
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình ^(v)	43.783.510.634	27.124.905.691
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	21.549.430.150	24.106.309.300
Công ty TNHH MTV Thiết bị Mê Kông	1.093.309.300	3.093.309.300
Công ty TNHH Kenle	16.900.000.000	16.900.000.000
Công đoàn Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng – CTCP	2.300.000.000	2.300.000.000
Công đoàn Cơ quan Văn phòng Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng – CTCP	1.256.120.850	813.000.000
Ông Nguyễn Văn Tam ⁽ⁱⁱ⁾	-	1.000.000.000
Cộng	395.567.642.604	310.067.205.605

Tổng Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Vay Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276 để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất 8%/năm, thời hạn vay 18 tháng.
- (ii) Các khoản vay dài hạn không có tài sản đảm bảo của các cá nhân để trả nợ vay ngân hàng, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư với lãi suất từ 7% đến 8% / năm, thời hạn vay từ 13 tháng tới 36 tháng tùy từng hợp đồng.
- (iii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc tại Công ty Cổ phần Thủy điện Ngân Trươi (Công ty con) để giải ngân phục vụ Dự án Thủy điện Ngân Trươi với lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay 18 tháng, kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2020.
- (iv) Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch 1:
Tại Công ty mẹ, khoản vay theo hợp đồng dài hạn năm 2019 để thanh toán các chi phí đầu tư, mua sắm, xây dựng và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện Dự án Nhà máy Thủy điện Bản Mòng. Thời hạn vay 13 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 05/9/2019), trong đó thời gian ân hạn gốc tối đa 27 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay bằng lãi suất tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng trả sau + margin 3,5% và được điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi vay trong thời gian ân hạn

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

được nhập gốc, hết thời gian ân hạn sẽ thanh toán hàng quý. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản liên quan đến Dự án được hình thành từ vốn vay.

Tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung (Công ty con), khoản vay theo hợp đồng dài hạn năm 2015 để thanh toán dự nợ của khoản vay đầu tư dự án Trạm Thủy điện Dốc Cáy tại VDB – Chi nhánh Thanh Hóa. Thời gian vay 120 tháng, số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 18 tháng 02 năm 2016. Lãi suất thả nổi, được xác định bằng lãi suất tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Bên cho vay cộng phí 2%/năm. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và các bất động sản khác của Dự án, Công trình Dự án; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, các động sản khác, các Tài khoản, các quyền tài sản và các quyền theo các hợp đồng (kể cả quyền theo các Văn kiện Dự án; quyền khai thác tài nguyên, quyền thụ hưởng từ Hợp đồng bảo hiểm, hợp đồng bán điện) cả Bên vay liên quan đến Dự án theo Hợp đồng thế chấp tài sản (xem thuyết minh V.10).

- (v) Khoản vay tại Công ty Cổ phần Thủy điện Ngân Trươi (Công ty con) để thực hiện Dự án Thủy điện Ngân Trươi. Hạn mức cho vay tối đa là 231.020.000.000 VND nhưng không vượt quá 70% tổng mức đầu tư (không bao gồm VAT) của Dự án. Thời hạn cho vay tối đa là 132 tháng kể từ ngày tiếp theo của Ngày giải ngân Vốn vay lần đầu. Lãi suất cho vay áp dụng cố định 9%/năm trong thời hạn 12 tháng kể từ Ngày giải ngân vốn vay lần đầu (ngày 15/11/2019), trong thời gian tiếp theo là Lãi suất cơ sở cộng với mức biên. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản và các quyền phát sinh từ Dự án, cổ phần của các cổ đông góp vốn tại Công ty Cổ phần Thủy điện Ngân Trươi và cổ phần của Công ty mẹ tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	34.974.562.069	39.932.662.069
Trên 1 năm đến 5 năm	164.258.164.396	161.086.309.300
Trên 5 năm	231.309.478.208	148.980.896.305
Cộng	430.542.204.673	349.999.867.674

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay Bên liên quan	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các tổ chức và các cá nhân khác	Cộng
Số đầu năm	84.180.000.000	201.780.896.305	24.106.309.300	310.067.205.605
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	7.700.000.000	88.928.581.903	10.443.120.850	107.071.702.753
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(1.971.265.754)	-	(13.000.000.000)	(14.971.265.754)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	-	(6.600.000.000)	-	(6.600.000.000)
Số cuối kỳ	89.908.734.246	284.109.478.208	21.549.430.150	395.567.642.604

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tổng Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	12.400.572.336	10.741.406.918
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	3.017.998.799	3.537.562.511
Chi quỹ	(1.227.100.000)	(2.947.250.000)
Giảm do thanh lý Công ty con	-	(118.767.329)
Số cuối kỳ	14.191.471.135	11.212.952.100

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	215.000.000.000	-	44.697.007.190	255.998.677.449	26.145.026.958	541.840.711.597
Công ty con phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	18.620.000.000	18.620.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	61.536.189.050	2.706.367.714	64.242.556.764
Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	-	(3.275.233.327)	(262.329.184)	(3.537.562.511)
Chia cổ tức tại Công ty mẹ	-	-	-	(12.900.000.000)	-	(12.900.000.000)
Chia cổ tức tại Công ty con	-	-	-	-	(460.871.428)	(460.871.428)
Trích thù lao HĐQT và Kiểm soát viên ở Công ty con	-	-	-	(178.469.550)	(19.829.950)	(198.299.500)
Thay đổi do ngừng áp dụng phương pháp VCSH đối với Công ty CP Đầu tư Xây dựng 24 ⁽ⁱ⁾	-	-	-	7.236.191.473	-	7.236.191.473
Tăng khác	-	-	-	227.910.094	215.833.333	443.743.427
Số dư cuối kỳ trước	215.000.000.000	-	44.697.007.190	308.645.265.189	46.944.197.443	615.286.469.822
⁽ⁱ⁾ Xem Thuyết minh 1.5c						
Số dư đầu năm nay	215.000.000.000	-	51.342.507.391	311.421.999.031	62.416.734.024	640.181.240.446
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	-	-	-	-	8.080.000.000	8.080.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	(2.582.604.505)	1.065.871.765	(1.516.732.740)
Mua lại cổ phiếu đã phát hành ⁽ⁱ⁾	-	(54.331.026.750)	-	-	-	(54.331.026.750)
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ	-	-	-	(2.876.551.574)	-	(2.876.551.574)
Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	127.302.503	(254.605.005)	(14.144.723)	(141.447.225)
Chia cổ tức tại Công ty mẹ	-	-	-	(11.622.900.000)	-	(11.622.900.000)
Chia cổ tức tại Công ty con	-	-	-	-	(237.805.005)	(237.805.005)
Trích thù lao HĐQT và Kiểm soát viên ở Công ty con	-	-	-	(151.200.000)	(16.800.000)	(168.000.000)
Số dư cuối năm nay	215.000.000.000	(54.331.026.750)	51.469.809.894	293.934.137.947	71.293.856.061	577.366.777.152

⁽ⁱ⁾ Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 03/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019, Tổng Công ty đã hoàn thành việc mua lại 2.128.500 cổ phiếu phổ thông với tổng giá mua 54.276.750.000 VND, chi phí mua 54.276.750 VND (25.525 VND/cổ phiếu).

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.500.000	21.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	21.500.000	21.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.500.000	21.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.128.500	-
- Cổ phiếu phổ thông	2.128.500	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.371.500	21.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.371.500	21.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 như sau:

	VND
• Trích quỹ khen thưởng	: 2.876.551.574
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 11.622.900.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

22a. Tài sản nhận giữ hộ

Là vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ của Ban Quản lý Thủy lợi 3 của Bộ Nông Nghiệp phục vụ dự án Vân Đình có giá trị sổ sách tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 2.387.959.951 VND, số đầu năm là 2.387.959.951 VND.

22b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	5.745,61	10.785,15
Euro (EUR)	129,06	140,97

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp đồng xây lắp	50.743.396.652	77.976.136.852
Doanh thu bán điện	27.537.259.664	54.481.689.776
Doanh thu bán hàng hóa	-	45.923.044.071
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.894.037.395	6.975.038.281
Cộng	81.174.693.711	185.355.908.980

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hợp đồng xây lắp	51.030.915.168	150.655.915.907
Giá vốn bán điện	11.148.883.918	12.694.255.351
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	41.514.316.614
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.261.656.483	953.321.190
Cộng	63.441.455.569	205.817.809.062

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	115.154.026	2.035.944.523
Lãi tiền cho vay	5.474.696.999	3.058.625.826
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	38.512.854.500
Lãi thanh lý Công ty con	-	73.768.575.674
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	-	117.460.125.163
Cộng	5.589.851.025	234.836.125.686

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	10.928.747.427	17.069.581.116
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	591.576	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	11.050.085	15.345.043
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	-	46.683.785.914
Chi phí tài chính khác	574.309	1.003.519
Cộng	10.940.963.397	63.769.715.592

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	-	36.239.610
Chi phí bảo hành	-	790.343
Chi phí bằng tiền khác	-	658.643.484
Cộng	-	695.673.437

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.502.212.977	10.939.357.171
Chi phí vật liệu quản lý	57.477.493	116.317.903
Chi phí đồ dùng văn phòng	88.237.500	124.225.620
Chi phí khấu hao tài sản cố định	789.076.062	894.779.153
Thuế, phí và lệ phí	168.048.290	2.104.966.380
Dự phòng phải thu khó đòi	6.654.924.288	30.858.242.880
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	503.130.944	2.612.121.685
Các chi phí khác	1.412.142.222	2.610.385.327
Cộng	19.175.249.776	50.260.396.119

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền điện, nước	81.453.874	74.547.084
Tiền hỗ trợ của nhà cung cấp	-	3.376.274.448
Thu nhập khác	13.253.771	114.338.631
Cộng	94.707.645	3.565.160.163

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí điện nước	320.599.015	124.375.697
Thuế, bảo hiểm bị phạt, bị truy thu	15.807.064	420.655.761
Chi phí khác	127.304.571	9.297.853
Cộng	463.710.650	554.329.311

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	(2.582.604.505)	61.536.189.050
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(2.582.604.505)	61.536.189.050
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	19.418.800	21.500.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(133)	2.862

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	21.500.000	21.500.000
Ảnh hưởng của 2.128.500 cổ phiếu phổ thông mua lại ngày 06 tháng 01 năm 2020	(2.081.200)	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	19.418.800	21.500.000

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.215.246.329	43.401.212.368
Chi phí nhân công	23.408.791.542	27.485.512.824
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.694.632.256	25.507.131.098
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.060.991.628	136.862.115.823
Chi phí khác	34.867.171.144	46.550.424.933
Cộng	115.246.832.899	279.806.397.046

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ông Đồng Tuấn Vũ		
Thanh toán nợ vay	-	20.000.000.000
Lãi vay phải trả	165.825.754	270.043.248
Ông Đỗ Mạnh Cường		
Cho Tổng Công ty vay tiền	3.000.000.000	-
Tổng Công ty trả gốc vay	1.471.265.754	-
Lãi vay phải trả	30.246.575	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.18a và V.19.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	951.443.675	1.177.389.694
Thù lao	778.000.000	480.000.000
Cộng	1.729.443.675	1.657.389.694

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Tái tạo Hòa Bình	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Cơ điện và Xây dựng Đông Dương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đakrông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần KCN Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Agreensteel-VN	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sản phẩm Thép Agrimeco & JFE	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê	Bên liên quan khác
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc	Bên liên quan của thành viên HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tổng Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Chi Khê</i>		
Lãi vay phải thu bên liên quan	5.425.074.889	2.938.410.958
Góp vốn vào bên liên quan	-	40.800.000.000
<i>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc</i>		
Nhận tiền góp vốn vào Dự án Thủy điện Bản Mòng	-	72.000.000.000
Vay tiền bên liên quan	4.200.000.000	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.13, V.14, V.18 và V.19b.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp
- Lĩnh vực thủy điện
- Lĩnh vực đầu tư tài chính
- Lĩnh vực khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	50.743.396.652	27.537.259.664		2.894.037.395	81.174.693.711
Doanh thu đầu tư tài chính			5.474.696.999		5.474.696.999
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	50.743.396.652	27.537.259.664	5.474.696.999	2.894.037.395	86.649.390.710
Giá vốn hàng bán	51.030.915.168	11.148.883.918		1.261.656.483	63.441.455.569
Chi phí đầu tư tài chính			-		-
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(287.518.516)	16.388.375.746	5.474.696.999	1.632.380.912	23.207.935.141
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(19.175.249.776)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					4.032.685.365
Doanh thu hoạt động tài chính khác					115.154.026
Chi phí tài chính khác					(10.940.963.397)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					5.515.421.064
Thu nhập khác					94.707.645
Chi phí khác					(463.710.650)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(592.566.187)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					722.539.394
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(1.516.732.740)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		109.923.377.486			109.923.377.486
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	15.436.947.926	8.377.272.148		880.412.182	24.694.632.256

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thủy điện	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Lĩnh vực khác	Cộng
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	77.976.136.852	54.481.689.776		52.895.839.352	185.353.665.980
Doanh thu đầu tư tài chính			232.800.181.163		232.800.181.163
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	77.976.136.852	54.481.689.776	232.800.181.163	52.895.839.352	418.153.847.143
Giá vốn hàng bán	150.655.915.907	12.694.255.351		42.467.637.804	205.817.809.062
Chi phí đầu tư tài chính			46.683.785.914		46.683.785.914
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(72.679.779.055)	41.787.434.425	186.116.395.249	10.428.201.548	165.652.252.167
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(50.956.069.556)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					114.696.182.611
Doanh thu hoạt động tài chính khác					2.035.944.523
Chi phí tài chính khác					(17.085.929.678)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					(31.523.911.438)
Thu nhập khác					3.565.160.163
Chi phí khác					(554.329.311)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(6.890.560.106)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					64.242.556.764
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		126.785.278.721			126.785.278.721
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	10.730.554.126	7.497.405.547		7.279.171.425	25.507.131.098

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	Lĩnh vực cơ khí	Lĩnh vực điện	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.051.008.394.986	381.256.677.292	519.752.648.045	44.947.698.734	1.996.965.419.057
Tài sản phân bổ cho bộ phận					
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					32.834.432.506
Tổng tài sản					2.029.799.851.563
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	787.744.707.700	139.061.981.535	-	-	926.806.689.235
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					519.641.577.698
Tổng nợ phải trả					1.446.448.266.933

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực cơ khí	Lĩnh vực điện	Lĩnh vực đầu tư tài chính	Lĩnh vực khác	Cộng
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	755.709.557.333	336.473.465.980	526.795.040.481	268.390.505.202	1.887.368.568.996
Tài sản phân bổ cho bộ phận					
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					160.624.442.920
Tổng tài sản					2.047.993.011.916
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	787.950.675.818	88.814.799.768	-	96.615.451.762	973.380.927.348
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					428.446.036.644
Tổng nợ phải trả					1.401.826.963.992

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 04 tháng 7 năm 2020, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 21/NQ-HĐQT về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Điện tái tạo AHP để đầu tư các Dự án Điện tại các hồ chứa thủy lợi Việt Nam. Theo đó, Công ty mẹ góp 51.000.000.000 VND, chiếm 51% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Điện tái tạo AHP

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Lê Quang Hưng



Lê Văn An

**Tổng Công
Ty Cơ Điện
Xây Dựng -
Ctcp**

Digitally signed by Tổng Công Ty
Cơ Điện Xây Dựng - Ctcp
DN: C=VN, S=MST:0100102887,
L="Km 10, quốc lộ 1A, Xã Tứ
Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành
phố Hà Nội, Việt Nam", O=Tổng
Công Ty Cơ Điện Xây Dựng -
Ctcp, CN=Tổng Công Ty Cơ Điện
Xây Dựng - Ctcp,
E=chukyso247.net@gmail.com
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2020-09-09 10:06:45